

VIỆT NAM

SAU NHỮNG CUỘC CHIẾN TRANH

NGUYỄN QUỐC DŨNG *

Nước Việt Nam đã nhiều lần phải trải qua chiến tranh. Mang chiến tranh đến Việt Nam đều là những nước lớn, quân đông, vũ khí hiện đại, với “ý muốn làm chủ một khu vực cực kỳ quan trọng của thế giới về mặt vị trí chiến lược và tài nguyên hiện có hoặc có thể có”¹. Ví như, hai cuộc chiến tranh gần đây, “đối với người Pháp, đó là sự cần thiết phải duy trì quyền thống trị Đông Dương để bảo vệ uy tín chính trị và lợi ích kinh tế”² của họ, “đối với Mỹ, đó là việc ngăn chặn cái mà họ gọi là sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản trên quy mô toàn cầu”.³ Quyền tự quyết, quyền được sống hoà bình trên đất nước mình của người dân Việt Nam hoàn toàn không được tôn trọng. Có lẽ vì như thế mà những cuộc chiến tranh mà nhân dân Việt Nam từng phải chịu đựng và vượt qua đều là những cuộc chiến tranh lớn, kéo dài, vô cùng khốc liệt. Sau mỗi cuộc chiến tranh là những năm tháng khó khăn, nặng nề với cả đất nước và mỗi con người. Trước hết, do sự huỷ hoại khủng khiếp của chiến tranh, của những loại vũ khí tối tân, vũ khí hoá học có sức huỷ diệt lớn, di họa lâu dài đối với nguồn nhân lực, môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên đối với tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế đất nước, với cuộc sống vật chất và văn hoá, tinh thần của toàn xã hội cũng như của mỗi tế bào xã hội là gia đình và con người. Tổng thống Hoa Kỳ R. Nixon từng công khai tuyên bố mục tiêu và phương thức mang lại “chiến thắng danh dự cho nước Mỹ” trong chiến tranh Việt Nam là chiến tranh giành dân, chiến tranh huỷ diệt, chiến tranh bóp nghẹt. Ông ta đã huy động và sử dụng sức mạnh tối đa, kể cả quân sự, vũ khí kỹ thuật tiên tiến, sức ép ngoại giao và đã không từ một thủ đoạn độc ác nào. Cũng không thể không nhắc đến lời

* Phó giáo sư Tiến sĩ, Viện Lịch sử quân sự, Việt Nam.

tuyên bố ngông cuồng “đưa Bắc Việt Nam về thời kỳ đồ đá” của một viên tướng không quân Mỹ. Cảnh tàn phá được phơi bày trong chiến tranh, cho đến nay hơn 20 năm sau chiến tranh và chắc chắn trong nhiều thập niên nữa sẽ còn hiện diện, còn tác động lớn về nhiều mặt đến sự phát triển của đất nước Việt Nam, đến cuộc sống của người dân Việt Nam.

Song không phải chỉ có thế. Sau chiến tranh là 20 năm Việt Nam bị “cắm vận” về kinh tế. Chính sách “trừng phạt”, dựa vào quyền lực của một nước lớn do bị thất bại, không thực hiện được những mục tiêu của mình trong chiến tranh đã khoét sâu thêm sự ngăn cách, sự không hiểu biết lẫn nhau, đã làm khó khăn thêm cho việc khắc phục hậu quả, hàn gắn các vết thương chiến tranh của một nước nhỏ, kinh tế chưa phát triển, vừa bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh như Việt Nam. Và còn hơn thế, những âm mưu đen tối, đầy hận thù vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng, những “liên minh ma quỷ” xuất hiện sau chiến tranh dẫn đến nguy cơ bị diệt chủng của một dân tộc, làm cho Việt Nam bị “chảy máu một lần nữa”.

Do vị trí địa-chính trị ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam thường xuyên phải đối phó với ý đồ bành trướng lãnh thổ của các vương triều phong kiến, với chiến tranh xâm lược của các nước lớn mạnh hơn. Bằng cách nào, Việt Nam có thể giữ được độc lập, có thể thoát ra khỏi các cuộc chiến tranh lớn và tàn khốc mà không bị đánh bại, không bị chìm đắm trong các cuộc chiến tranh không tương xứng, không trở thành con bài mặc cả chia chác với nhau trong ý đồ chiến lược của các nước lớn, và sau chiến tranh không bị cô lập, bị căng thẳng vì nguy cơ phải đối phó với một cuộc chiến tranh mới ?

Lịch sử đã cho nhân dân Việt Nam những bài học và những kinh nghiệm xương máu. Một nước nhỏ, một dân tộc khi bị đẩy vào tình thế buộc phải chấp nhận chiến tranh với một nước lớn mạnh hơn, hoặc với một liên minh nhiều nước do một nước lớn cầm đầu, dân tộc ấy không chỉ cần một ý chí, một đường lối đúng đắn và những phương thức sáng tạo để chiến thắng đội quân xâm lược trong chiến tranh mà còn cần bảo vệ được những thành quả của thắng lợi, giữ được độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia sau chiến tranh, làm cho nước lớn kia, dù vẫn còn tiềm lực mà không thể tiếp tục hoặc gây thêm cuộc chiến tranh thứ hai, vì ý chí đã bị đánh bại. Mục tiêu và nghệ thuật giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam không đặt lên hàng đầu việc tiêu diệt hoàn toàn đội quân xâm lược, đông về số lượng, mạnh về vũ khí mà trước hết nhằm đánh bại ý chí xâm lược, buộc chúng phải rút hết quân về nước, chấm dứt chiến tranh, chịu thua mà không hoàn toàn bị mất “danh dự” của nước lớn. Có thể nói đây là một nét đặc sắc trong truyền thống giữ nước và nghệ thuật quân sự của dân tộc Việt Nam.

Ở thế kỷ XIII, Việt Nam đã từng ba lần đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Nguyên - Mông (năm 1258, 1285 và 1288) nhưng do tương

quan lực lượng, do đế quốc Nguyên - Mông vô cùng hung hãn, chưa từng chịu thất bại trong các cuộc chinh phạt trên khắp hai châu lục Á - Âu, phải sau cuộc kháng chiến lần thứ ba và sau những hoạt động ngoại giao vừa kiên quyết, vừa khôn khéo, vương triều Trần mới làm tiêu tan hoàn toàn dã tâm xâm lược của Hốt Tất Liệt.

Thế kỷ XV, sau cuộc kháng chiến 10 năm, sau khi đã tiêu diệt các đạo viện binh địch ở Chi Lăng - Xương Giang, bao vây chặt số quân Minh còn lại ở Đông Đô, tình thế cho phép nghĩa quân Lam Sơn tiếp tục tiến công, tiêu diệt hoàn toàn quân xâm lược. Lúc đó, do căm giận những tội ác tày trời của quân Minh, nhiều tướng sĩ xin Lê Lợi cho đánh. Với tầm nhìn chiến lược, mong muốn dập tắt nguy cơ tiếp diễn chiến tranh, mang lại “nền thái bình muôn thưở” cho đất nước, Nguyễn Trãi đã đề xuất với Lê Lợi: “Tình hình quân giặc trong lúc này, mình muốn phá sào huyệt, ăn gan uống máu để rửa mối thâm thù không phải là việc khó khăn. Nhưng thân trộm e như vậy sẽ kết mối thù với triều Minh quá sâu. Vì sự trả thù, vì sự cứu vớt lấy thể diện của một nước lớn, vua nhà Minh tất sẽ phái binh sang, như thế vạn binh đao biết đến bao giờ mới dứt được. Chi bằng ta nên thừa lúc này, kẻ kia lâm vào thế cùng mà cùng họ hoà hiếu để tạo phúc cho cả sinh linh hai nước”⁴. Lê Lợi hoàn toàn đồng tình với chủ trương sáng suốt của Nguyễn Trãi. Ông cho nối rộng vòng vây, lệnh cho các địa phương sửa chữa đường sá, cầu cống sai quân lính chuẩn bị lương thực, cấp 500 chiếc thuyền, mấy nghìn con ngựa cho hơn 20.000 tù binh địch theo đường biển và đường bộ trở về nước. Ông giải thích cho tướng sĩ: “Việc dụng binh cốt lấy sự toàn quân là hơn cả. Nay để cho lũ Vương Thông (tướng chỉ huy quân Minh) về nói với vua Minh trả lại đất nước ta, không còn trở lại xâm lấn thì ta còn cần gì hơn nữa. Hà tất phải giết hết để kết mối thù với nước lớn”⁵. Lê Lợi còn sai viết biểu cầu phong, cử một phái đoàn mang cống phẩm và danh sách tù binh được trao trả sang triều Minh. Cách ứng xử khôn khéo của Lê Lợi, Nguyễn Trãi ở thời điểm kết thúc và những năm sau chiến tranh đã bảo vệ được thắng lợi của cuộc kháng chiến, giữ thể diện cho nước lớn vừa thua trận, nhanh chóng khôi phục quan hệ bang giao bình thường, chấm dứt can qua, tạo môi trường hoà bình cho đất nước bước vào xây dựng và đồng thời thể hiện tinh thần nhân đạo, khoan dung, coi trọng hoà hiếu của dân tộc Việt Nam.

Lịch sử đã cho Việt Nam bài học sâu sắc trong nghệ thuật giữ nước, nghệ thuật ứng xử với các nước lớn sau chiến tranh. Cuộc chiến nào cũng phải đi đến kết thúc. Kết thúc chiến tranh, những năm sau chiến tranh là một thời kỳ đặc biệt trong quan hệ giữa các quốc gia vừa xảy ra chiến tranh. Có nhiều cách kết thúc, cũng như có nhiều cách ứng xử giữa các quốc gia trong những năm sau chiến tranh. Cùng tồn tại trên hành tinh, các quốc gia, các dân tộc dù có lịch sử phát triển, vị thế và lợi ích khác nhau, dù có lúc đã xảy ra xung đột, chiến tranh với nhau, sớm hay muộn, bằng cách này hay cách khác vẫn phải đi tới quan hệ với

nhau. Phủ nhận quá khứ, xuyên tạc lịch sử, giữ mãi hận thù đều là sai lầm. Hiểu đúng, rút ra được những bài học hữu ích từ lịch sử và là cách làm tốt để hướng tới tương lai, tránh được va vấp, sai lầm, tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi cho việc kiến tạo những quan hệ mới sau chiến tranh, tiến tới một thế giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Những điều đó, không chỉ cần thiết với một nước nhỏ sau chiến tranh như Việt Nam mà còn là bài học, là việc làm cần thiết đối với các nước kể cả nước lớn, một yêu cầu khách quan trong việc thiết lập và thúc đẩy quan hệ bình đẳng giữa các quốc gia, các dân tộc, xây dựng một thế giới văn minh trên hành tinh. Có thể kể dưới đây một vài dẫn chứng sinh động từ lịch sử Việt Nam những thập kỷ gần đây.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, sau khi Hiệp định Genève về Đông Dương được ký kết, Việt Nam đã sử dụng một trung đoàn và nhiều lực lượng khác để xây dựng lán trại, đảm bảo nơi ăn ở, nhanh chóng trao trả hết cho phía Pháp 6800 tù, hàng binh là lính Âu Phi, 2360 tù binh là người Việt trong quân đội Liên hiệp Pháp. Một quan hệ mới đã được mở ra giữa hai nước sau gần 100 năm dưới chế độ thực dân và gần 10 năm chiến tranh. Tiếc là, phải đến 40 năm sau, khi sang thăm Việt Nam, Tổng thống Cộng hoà Pháp F. Mitterand mới thừa nhận cuộc chiến tranh của Pháp ở Việt Nam là sai lầm. Quan hệ kinh tế, văn hoá giữa hai nước trong những năm gần đây mới được phát triển.

Sau cuộc chiến tranh với Hoa Kỳ, mặc dù còn rất nhiều hậu quả chiến tranh chưa được khắc phục, trong đó có rất nhiều người vẫn bị coi là “mất tích”, nhưng xuất phát từ quan điểm nhân đạo, Việt Nam vẫn thường xuyên và tích cực hợp tác với Hoa Kỳ trong việc xác định hơn 2000 trường hợp người Mỹ chưa được ghi danh đầy đủ trong chiến tranh. Phía Hoa Kỳ một mặt đánh giá cao và hoan nghênh thái độ hợp tác của Việt Nam, song mặt khác luôn lấy vấn đề POW-MIA để định ra “bước đi” trong quan hệ với Việt Nam và chỉ mới gần đây, quan hệ ngoại giao giữa hai nước mới chính thức được thiết lập. Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc, song do cách nhìn nhận và xử lý các vấn đề của chiến tranh, những tác động của chiến tranh Việt Nam vẫn sâu sắc trên nhiều lĩnh vực và còn lâu dài đối với nước Mỹ.

Những vấn đề sau chiến tranh rõ ràng không chỉ được đặt ra với các nước nhỏ, với một bên trong các cuộc chiến tranh. Cống hiến của Việt Nam, những bài học của Việt Nam không chỉ ở những chiến thắng trong chiến tranh mà còn ở cách nhìn nhận và ứng xử thông minh, đầy chất nhân văn trong quan hệ với các nước, đặc biệt là nước đối địch sau chiến tranh. Có thể nói, đây là một truyền thống, một nét đặc sắc của lịch sử Việt Nam, là bản sắc văn hoá, yêu chuộng hoà bình, hữu nghị, khoan dung, nhân đạo của con người Việt Nam. Đó cũng là hiện tại của Việt Nam, sau nhiều thập kỷ chiến tranh ác liệt, đang bước vào xây dựng theo tinh thần đổi mới, mong muốn được làm bạn với tất cả các

nước, các dân tộc, hoà nhập để phát triển trong sự phát triển của nhân loại trước thềm thế kỷ XXI.

CHÚ THÍCH

- 1, 2, 3. J. Pimlott, *Vietnam the Decisive Battles*, Mac Millan, New York, 1990.
4. Dẫn theo Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn, *Khởi nghĩa Lam Sơn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, trang 471.
5. Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, trang 68.